TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TÒA ÁN ND QUẬN HOÀN KIẾM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2019
V/v: Ly hôn

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Yên Bái

Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hiển Vinh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/6/2019 và 17/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX-ST ngày 09/5/2019, Quyết định hoàn phiên tòa số 26/2019/QĐHPT ngày 27/5/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: chị Nguyễn Thị Thanh T - Sinh năm: 1988

ĐKNKTT: AA phố H, phường H, quận H, thành phố H

Hiện ở tại: PA0A tòa TA Chung cư T – BBB phố M, phường, quận H, thành phố H.

- **Bị đơn**: anh Lưu Minh V - Sinh năm: 1986

ĐKNKTT: AA phố H, phường H, quận H, thành phố H

Hiện không rõ địa chỉ.

Chị T có mặt tại phiên tòa, anh V vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Tôi và anh Lưu Minh V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 21/3/2011 tại ủy ban nhân dân phường H, quận

H, thành phố H. Sau khi kết hôn, tôi và anh V sống chung tại nhà bố mẹ đẻ anh V ở số AA phố H, phường H, quận H, thành phố H. Đến khoảng tháng 3/2012, vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn gay gắt nên tôi bỏ về nhà bố mẹ đẻ không ở cùng anh V nữa. Chúng tôi sống ly thân với nhau từ tháng 3/2012 và không liên lạc với nhau, anh V và gia đình anh V không đến nhà tôi lần nào kể từ khi tôi và anh V sống ly thân. Đến tháng 5/2018, tôi cảm thấy vợ chồng tôi không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ nên tôi đã tìm cách liên lạc với anh V để làm thủ tục ly hôn nhưng không liên lạc được với anh V, tôi đã tìm cách liên lạc với các thành viên trong gia đình anh V thì được biết năm 2012, sau khi tôi bỏ đi thì nhà nước thu hồi đất tại AA phố H nên gia đình anh V không còn ở đó nữa.

Ngày 11/7/2018, tôi làm đơn yêu cầu tuyên bố anh Lưu Minh V bị mất tích gửi Tòa án nhân dân quận H và đăng tin tìm kiếm anh V trên báo nhân dân trong 3 số liên tiếp và nhắn tin tìm kiếm anh V trên VGT trong 3 ngày liên tiếp nhưng cũng không có tin tức gì của anh V, khi Tòa án nhân dân quận H xác minh tại Công an phường H thì được biết anh V bị Công an quận T truy nã theo Quyết định số 05/CSĐTTH ngày 04/3/2015. Do anh V bỏ trốn, cố tình giấu địa chỉ nên cơ quan điều tra công an quận T chưa bắt được anh V. Do đó, tôi đã làm đơn xin rút đơn yêu cầu tuyên bố anh Lưu Minh V bị mất tích, Tòa án nhân dân quận H đã ra quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự số 20/2018/QĐST-DS ngày 24/12/2018.

Xác định việc anh V bỏ đi khỏi nơi cư trú là cố tình giấu địa chỉ để trốn lệnh truy nã nên ngày 25/12/2018, tôi đã làm đơn xin đơn phương ly hôn anh V gửi Tòa án nhân dân quận H.

Giữa tôi và anh V không còn tình cảm nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lưu Minh V để tôi ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chúng tôi chưa có con chung.

Về tài sản chung, nhà đất chung và công nợ chung: chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn - anh Lưu Minh V:

Tòa án tiến hành việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Lưu Minh V theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh V vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án về việc chị Nguyễn Thị Thanh T xin ly hôn anh, cũng không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về phía gia đình chị Nguyễn Thị Thanh T có mẹ chị T là bà Lưu Thị N – đại diện, có ý kiến: Chị T và anh V kết hôn tự nguyện, được gia đình 2 bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền năm 2011. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng gia đình anh V tại AA phố H, quận H, thành phố H đến khoảng giữa năm 2012 chị T quay về sống cùng gia đình tôi tại thành phố H1 do chị và anh V mâu thuẫn. Từ đó đến nay hai gia đình không liên lạc gì với nhau, gia đình họ chuyển đi đâu tôi cũng không biết. Thời gian anh chị sống ly thân đã lâu, anh V không liên lạc gì với chị T và gia đình tôi nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị T được ly hôn anh V để ổn định cuộc sống. Anh chị chưa có con chung, tài sản chung, nhà ở và công nợ chung cũng không có. Ngoài ra bà N không có ý kiến gì thêm.

Về phía gia đình anh Lưu Minh V có ông Lưu Minh V là bố đẻ anh V – có ý kiến: Con trai tôi là Lưu Minh V kết hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T năm 2011, anh V và chị T chưa có con chung. Năm 2012 nhà nước thu hồi đất tại AA phố H nên đền bù cho chúng tôi về tái định cư tại Phòng XXXX, tòa X6Y phố N. Khi chúng tôi chuyển chỗ ở thì anh V và chị T không về ở cùng chúng tôi vì xảy ra mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, anh chị đi đâu chúng tôi không rõ. Hiện nay, gia đình tôi không liên lạc được với anh V và V cũng không liên lạc với gia đình. Đến nay, chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh V, tôi đồng ý và không có ý kiến gì.

Chị Lưu Quỳnh A là em gái anh Lưu Minh V có ý kiến: Anh V kết hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T năm 2011, sau đó anh chị về sống tại AA phố H cùng bố mẹ tôi, đến tháng 3/2012 thì gia đình tôi chuyển về sống tại phố N do bị nhà nước thu hồi đất ở AA phố H, thời gian đó tôi lấy chồng và về sống cùng gia đình chồng. Tuy nhiên vợ chồng anh V, chị T không về phố N ở cùng với bố mẹ tôi vì anh chị có mâu thuẫn nên chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ còn anh V bỏ đi làm ăn ở đâu cũng không thông báo hay bàn bạc gì với gia đình. Về tài chính, anh chị độc lập với gia đình chúng tôi, bản thân anh V cũng không có tài sản gì, anh chị chưa có con chung. Từ đó đến nay đã 6 năm gia đình tôi không nhận được tin tức gì của anh V. Nay chị T xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Minh V. Về con chung: anh chị chưa có; Về tài sản, nhà ở và công nợ chung, chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, có ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Về phía các đương sự, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn – anh Lưu Minh V đã không chấp hành các quy định của Điều 70, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án: anh V bỏ đi khỏi nơi cư trú, cố tình giấu địa chỉ, không quan tâm đến chị T, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn để ổn định cuộc sống vì chị cũng không còn tình cảm với anh V nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Anh chị không có con chung, không có tài sản chung nên không xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tranh tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:** Anh Lưu Minh V là bị đơn không có yêu cầu phản tố - đã được tống đạt hợp lệ về phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa ngày 18/6/2019, do anh V đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số 05/CSĐTTH ngày 04/3/2015 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T nên Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa và ra quyết định thông báo nhắn tin về lịch xét xử của Tòa án cho anh Lưu Minh V nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh V.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Lưu Minh V kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T và đại diện gia đình hai bên đều có lời khai về việc vợ chồng anh chị có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay và cùng đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn anh V.

Xét thấy, anh V bỏ đi khỏi nơi cư trú từ năm 2012 đến nay không liên lạc với chị T. Từ trước khi anh V bỏ đi khỏi nơi cư trú thì giữa anh chị đã có mâu thuẫn, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vì vậy, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung**: Anh chị chưa có con chung nên không xét

[4] **Về tài sản, nhà đất và công nợ chung**: Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thanh T khai vợ chồng không có tài sản chung, nhà đất chung và công nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[5] **Án phí và quyền kháng cáo***:* Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lưu Minh V và chị Nguyễn Thị Thanh T được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 144, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Mục 1 phần I danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án, lệ phí Tòa án.

Xử: 1- Xét xử vắng mặt bị đơn - anh Lưu Minh V.

2- Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T, chị T được ly hôn anh Lưu Minh V.

- Về con chung: Anh chị chưa có con chung nên không xem xét.

- Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002780 ngày 03/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thanh T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, anh Lưu Minh V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản sao bản án được niêm yết.

Nơi gửi:
-VKSND quận H;
-Các đương sự;
-Lưu.

T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huyền

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huyền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND quận H;
-Lưu.

T.m Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huyền